

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST
Ngày 29-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Anh Trí;
2. Ông Ngô Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Duy Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Trương Ngọc V; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 23/9/1994, tại: huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Ngọc A và bà Nguyễn Thị Thanh T (đã chết); vợ, con: Chưa có;

Tiền án: 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tuyên phạt 18 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/4/2021; tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/8/2021 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Bà Đỗ Vũ Diễm K; sinh năm 1984,

Địa chỉ: số 287/21, Y, thành phố U, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Quang Q1; sinh năm 1968; bà Thượng Thị H; sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn S, xã D, huyện G, tỉnh Quảng Ngãi. (Đều có mặt).

- Người làm chứng: Ông Đỗ Hồng N; sinh năm 1969.

Địa chỉ: TDP L, thị trấn B, huyện G, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi chấp hành xong hình phạt tù về địa phương, bị cáo Trương Ngọc V thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy. Để có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài, bị cáo điều khiển xe máy biển số 50VA-0259 đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến khu dân cư G NewCenter thuộc tổ dân phố L, thị trấn B, huyện G, bị cáo thấy tại thửa đất trồng của ông Đỗ Hồng N để nhiều thiết bị máy móc, đồ vật bằng kim loại sắt, có rào lưới B40 xung quanh và phủ bạt che kín của bà Đỗ Vũ Diễm K (sinh năm 1984, trú tại 287/21, Y, thành phố U, tỉnh Bình Định, là cháu ruột của ông N) (đây là các thiết bị trong dây chuyền sản xuất ván ghép của bà K) nhưng thấy không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. Trong thời gian từ ngày 20/8/2021 đến ngày 26/8/2021, hàng ngày bị cáo đến vị trí trên trộm cắp các thiết bị, đồ vật gồm: mô tơ điện, các thanh sắt chữ V, nhiều thiết bị máy móc, đồ vật kim loại sắt khác và sử dụng phương tiện xe máy biển số 50VA-0259 chở đến bán tại điểm thu mua phế liệu của vợ chồng ông Lê Quang Q1 (sinh năm 1968), bà Thượng Thị H (sinh năm 1968 ở thôn S, xã D, huyện G) với giá sắt phế liệu là 8.500 đồng/kg, các thanh sắt chữ V với giá 9.000 đồng/kg, mô tơ điện với giá 17.000 đồng/kg, tổng trọng lượng các thiết bị máy móc, đồ vật kim loại sắt bị cáo đã trộm cắp đem bán là 1.143,6 kg (Một nghìn một trăm bốn mươi ba phẩy sáu ki lô gam) và 01 mô tơ điện trọng lượng 24,5 kg (Hai mươi bốn phẩy năm ki lô gam).

Ngày 27/8/2021, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện G có kết luận định giá số 08/KL-HĐĐGTTHS Kết luận giá trị 01 mô tơ điện là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngày 15/9/2021, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện G có kết luận định giá số 10/KL-HĐĐGTTHS Kết luận giá trị tài sản được yêu cầu định giá có tổng khối lượng là 1.143,6kg, tính theo giá thị trường (giá thu mua sắt phế liệu) là 8.500đồng/kg. Tổng giá trị của tài sản được yêu cầu định giá là 9.720.600đ (Chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn sáu trăm).

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 10.920.600 đồng (Mười triệu chín trăm hai mươi nghìn sáu trăm đồng)

Do bị cáo thường xuyên sử dụng ma túy và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản liên tục từ ngày 20/8/2021 đến ngày 26/8/2021 nên chỉ nhớ rõ một số lần, cụ thể:

- Ngày 20/8/2021, bị cáo thực hiện trộm cắp tài sản 02 lần; mỗi lần trộm cắp 03 thanh sắt V có khối lượng 20,5kg/cây; tổng khối lượng là 123kg, có giá trị là 1.045.500 đồng.

- Ngày 21/8/2021, bị cáo nhiều lần trộm cắp các thiết bị máy móc, các đồ vật bằng kim loại sắt đem bán nhưng không nhớ rõ đặc điểm tài sản.

- Ngày 22/8/2021, bị cáo thực hiện trộm cắp tài sản 03 lần, lần 1 vào khoảng 06 giờ, trộm cắp 06 đoạn sắt hình trụ có khối lượng 10kg/đoạn và một số vật dụng bằng kim loại nhỏ gọn; lần 2 vào khoảng 8 giờ, trộm cắp 04 đoạn sắt hình trụ có khối lượng 10kg/đoạn; lần 3 tiếp tục trộm cắp 04 đoạn sắt hình trụ có khối lượng 10kg/đoạn và 02 miếng kim loại, màu xanh có khối lượng là 40kg, tổng khối lượng là 180 kg, có giá trị là 1.530.000 đồng.

- Ngày 23/8/2021, bị cáo thực hiện trộm cắp tài sản 04 lần, lần 1 vào khoảng 06 giờ, trộm cắp 02 miếng kim loại màu nâu có khối lượng 49 kg, 01 bao ni lông bên trong có chứa bu lông, ốc vít có khối lượng 23kg và các mảnh kim loại nhỏ; lần 2 vào khoảng 8 giờ, trộm cắp 01 tấm kim loại dạng ống có khối lượng 22,1kg và 02 khung kim loại màu xanh có trọng lượng 34kg/khung; lần 3 tiếp tục trộm cắp 02 đoạn sắt hình trụ có khối lượng 10kg và 02 khung kim loại màu xanh có khối lượng 34kg/khung; lần 4 trộm cắp 06 đoạn sắt hình trụ có khối lượng 10kg/đoạn, tổng khối lượng là 310,1 kg, có giá trị là 2.635.850 đồng.

- Ngày 24/8/2021, bị cáo thực hiện trộm cắp tài sản 01 lần là 01 mô tơ màu xám xanh có giá trị 1.200.000đồng và 01 cục sắt có hình dạng giống mô tơ có khối lượng 32kg có giá trị là 272.000đồng, tổng giá trị là 1.472.000đồng.

- Ngày 25/8/2021, bị cáo thực hiện trộm cắp tài sản 02 lần, lần 1 vào khoảng 06 giờ, trộm cắp 03 thanh sắt V có khối lượng 20,5 kg/thanh; lần 2 vào khoảng 8 giờ 30 phút, tiếp tục trộm cắp 03 thanh sắt V có khối lượng 20,5 kg/thanh, tổng khối lượng là 123kg, có giá trị là 1.045.500 đồng.

- Khoảng 6 giờ ngày 26/8/2021, bị cáo trộm cắp 02 thiết bị máy móc (02 hộp bằng sắt hình chữ nhật) và 02 miếng sắt màu xanh, bán với giá tiền là 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo điều khiển xe máy đến thành phố Quảng Ngãi và thêm 50.000 đồng mua 01 tép ma túy với giá tiền 400.000 đồng sử dụng. Sau đó, bị cáo tiếp tục điều khiển xe máy quay lại tiếp tục trộm cắp thì bị phát hiện.

Tất cả các lần trộm cắp bị cáo đều sử dụng chiếc xe máy 50VA-0259 đem tài sản trộm cắp, bán tại tiệm thu mua phế liệu của vợ chồng ông Q1, bà H và sử dụng tiền bán tài sản trộm cắp được để mua ma túy sử dụng, tiêu xài cá nhân.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với kết luận giám định, lời khai bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 38/CT-VKS ngày 02/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố; tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu.

Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Quang Q1, bà Thượng Thị H tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền đã đưa cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52 Điều 38 của Bộ luật hình sự; tuyên bố bị cáo Trương Ngọc V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Hoàn trả lại cho chủ sở hữu và tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Bị cáo không tranh luận về tội danh và khung hình phạt đối với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, liên tục lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng giá trị là 10.920.600 đồng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài

sản của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ; hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Không có cơ sở để khẳng định bị cáo đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo ý thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội; đã bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử lý nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản đã được trả lại cho chủ sở hữu, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và có một tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; có nhân thân xấu, bị nghiện ma túy nên cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời hạn nhất định mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự.

[4] Về phần dân sự:

Căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên không xem xét.

Quá trình điều tra cơ quan công an đã xác định và xử lý:

- Đối với vợ chồng ông Lê Quang Q1, bà Thượng Thị H: Khi thu mua tài sản (thiết bị máy móc, các đồ vật bằng kim loại sắt) do bị cáo đem đến bán phế liệu, ông Q1, bà H hỏi về nguồn gốc tài sản thì bị cáo nói “Công ty thanh lý nhà xưởng nên cho tháo dỡ đem bán”, bị cáo chở các tài sản trộm cắp đến bán vào ban ngày nên ông Q1, bà H nghĩ bị cáo nói thật, không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, ông Q1, bà H thu mua các tài sản do bị cáo bán theo đúng giá thị trường. Khi biết là tài sản do bị cáo trộm cắp đem bán, ông Q1, bà H đã hợp tác làm việc, khai báo rõ ràng sự việc. Do đó, không xem xét xử lý ông Q1, bà H là đúng.

- Đối với xe máy biển kiểm soát 50VA- 0259, loại SUPERCUP, số khung: C50-8644809, số máy: C50E-864820, tình trạng đã qua sử dụng: bị cáo khai mua xe máy biển kiểm soát 50VA- 0259 của 01 người đàn ông không rõ lai lịch, có quen biết ngoài xã hội với giá tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng), vì xe đã cũ nên không viết giấy tờ mua bán. Qua xác minh, không xác định được chủ sở

hữu, đồng thời xe máy này không thuộc vật chứng trong các vụ án đang truy tìm. Đây là phương tiện bị cáo sử dụng để chở các tài sản trộm cắp được để tiêu thụ.

- Đối với các công cụ gồm 01 cờ lê và 01 kìm bấm chết (kìm mỏ vịt) tạm giữ tại hiện trường: Bị cáo mượn của ông Lê Quang Q1 để sử dụng làm công cụ tháo mở ốc vít các thiết bị máy móc trộm cắp, khi bị phát hiện V bỏ lại tại vị trí để thiết bị máy móc. Tuy nhiên, ông Q1 không biết bị cáo mượn cờ lê và kìm bấm chết (kìm mỏ vịt) sử dụng làm công cụ phạm tội nên không xem xét xử lý ông Q1 là đúng.

- Đối với người thanh niên không rõ họ tên, lai lịch bán ma túy cho bị cáo. Qua nội dung lời khai của bị cáo không có cơ sở để xác minh, xác định lai lịch người thanh niên đã bán ma túy trên. Nên khi nào xác định được sẽ triệu tập làm việc, xử lý sau.

- Đối với người đàn ông không rõ họ tên, lai lịch đã bán xe máy biển kiểm soát 50VA- 0259 cho bị cáo, qua lời khai của bị cáo không có cơ sở để xác minh, xác định lai lịch người bán xe máy. Khi nào phát hiện sẽ xử lý sau.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Công an huyện G đã ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vật chứng là tài sản trộm cắp đã trả lại cho chủ sở hữu. Bị hại không có yêu cầu gì nên không xét.

- Hoàn trả lại cho ông Lê Quang Q1 01 cờ lê và 01 kìm bấm chết do bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội nhưng ông Q1 chủ sở hữu không biết.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc xe máy biển kiểm soát 50VA-0259 là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy chiếc áo sơ mi màu xanh đen của bị cáo, bị cáo từ chối nhận và không còn giá trị sử dụng.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự:

Buộc bị cáo nộp số tiền 10.920.600 đồng (Mười triệu chín trăm hai mươi nghìn sáu trăm đồng) đây là tiền có được do mua bán tài sản phạm tội mà có, sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, về mức hình phạt và xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Ngọc V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trương Ngọc V 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Hoàn trả lại cho ông Lê Quang Q1: 01 cò-lê bằng kim loại màu trắng bạc kích thước (25 x 6,5 x 1,3) cm, trên thân có ghi dòng chữ “FORGED STEEL” và 01 kim bấm chết còn gọi là kim mỏ vịt bằng kim loại màu trắng bạc kích thước (22 x 6,5 x 1,3) cm.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc xe máy biển kiểm soát 50VA-0259 loại SUPERCUP, số khung: C50-8644809, số máy: C50E-864820.

- Tịch thu tiêu hủy chiếc áo sơ mi màu xanh đen, có nhiều đường kẻ sọc màu trắng.

Tất cả đều đã qua sử dụng, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/12/2021 giữa cơ quan Điều tra và cơ quan Thi hành án dân sự huyện G.

Buộc bị cáo nộp số tiền 10.920.600 đồng (Mười triệu chín trăm hai mươi nghìn sáu trăm đồng), sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trương Ngọc V phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị hại vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Nhà tạm giữ CA huyện G;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện G;
- Cơ quan THAHS Công an huyện G;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã R, huyện Q;
- Bị cáo; người có liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Chí Ngãi